



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
- TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
- BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG
- BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /2026/TTLT-VKSNDTC-
TANDTC-BCA-BQP-BTP

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
**Quy định phối hợp giữa các cơ quan thực hiện thống kê
giám định tư pháp trong tố tụng hình sự**

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15, Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15 và Luật số 128/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê của Luật Thống kê theo Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp liên tịch ban hành Thông tư quy định phối hợp giữa các cơ quan thực hiện thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong thực hiện thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự gắn với thống kê tội phạm và việc chia sẻ cơ sở dữ liệu thống kê (sau đây gọi tắt là thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án các cấp; người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án các cấp.
- Tổ chức, người thực hiện giám định tư pháp.
- Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở Trung ương và cấp tỉnh.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật Thống kê.
2. Thống nhất các nội dung liên quan đến báo cáo thống kê, cơ sở dữ liệu thống kê và chia sẻ khai thác dữ liệu thống kê.
3. Thống nhất số liệu thống kê giám định tư pháp của các cơ quan trung cầu giám định tư pháp và các tổ chức, người thực hiện giám định tư pháp.
4. Cơ quan có trách nhiệm thống kê là cơ quan ban hành các văn bản tố tụng về trung cầu giám định tư pháp trong tố tụng hình sự.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

Điều 4. Nội dung, hệ thống chỉ tiêu thống kê, biểu mẫu, hướng dẫn biểu mẫu thống kê

1. Nội dung thống kê bao gồm:
 - a) Thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng;
 - b) Thống kê về thực hiện giám định tư pháp phục vụ giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự của các tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp và người giám định tư pháp;
 - c) Thống kê các nội dung khác liên quan đến trung cầu, yêu cầu giám định theo quy định của pháp luật.
2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê, biểu mẫu, hướng dẫn biểu mẫu thống kê được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Trường hợp cần thiết, Liên ngành trung ương quyết định việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Kỳ báo cáo thống kê

1. Báo cáo thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự được thực hiện định kỳ hằng tháng, 6 tháng và 12 tháng.
 Báo cáo kỳ hằng tháng, thời điểm từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo; Báo cáo kỳ 6 tháng, thời điểm từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6 của năm báo cáo; Báo cáo kỳ 12 tháng, thời điểm từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo.
2. Báo cáo thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự đột xuất được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Nguồn số liệu xây dựng báo cáo thống kê

Báo cáo thống kê được thu thập từ hệ thống cơ sở dữ liệu, sổ nghiệp vụ, hồ sơ nghiệp vụ và nguồn chính thức khác của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án

các cấp; Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp; tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp; các nguồn tài liệu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Kinh phí phục vụ hoạt động thống kê

1. Kinh phí phục vụ hoạt động thống kê do ngân sách Nhà nước bảo đảm bao gồm kinh phí xây dựng, nâng cấp phần mềm, chuẩn hóa dữ liệu, tập huấn, kiểm tra, bảo đảm an toàn thông tin, kết nối chia sẻ dữ liệu.

2. Trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình, hằng năm các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập dự toán, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III

PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Điều 8. Xây dựng và gửi báo cáo thống kê

1. Công an nhân dân:

a) Xây dựng báo cáo thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định; kết quả thực hiện các quyết định trung cầu giám định; đánh giá, sử dụng kết quả giám định trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự giai đoạn khởi tố, điều tra, bao gồm các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trừ các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Quân đội nhân dân;

b) Xây dựng báo cáo thống kê về thực hiện giám định của tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Công an nhân dân;

c) Gửi báo cáo thống kê quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê đến cơ quan chủ trì thống kê cùng cấp;

d) Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu liên ngành về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật.

2. Viện kiểm sát nhân dân:

a) Là cơ quan chủ trì thống kê liên ngành các cấp về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong tố tụng hình sự. Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự;

b) Xây dựng báo cáo thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định; kết quả thực hiện các quyết định trung cầu giám định; đánh giá, sử dụng kết quả giám định trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và gửi đến đơn vị chủ trì thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê;

c) Xây dựng báo cáo thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định; kết quả thực hiện các quyết định trung cầu giám định; đánh giá, sử dụng kết quả giám định trong giải quyết vụ án hình sự giai đoạn truy tố và gửi đến đơn vị chủ trì thống kê của

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê;

d) Xây dựng báo cáo thống kê về thực hiện giám định của tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và gửi đến đơn vị chủ trì thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê;

đ) Tổng hợp, báo cáo thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định; kết quả thực hiện các quyết định trung cầu giám định; đánh giá, sử dụng kết quả giám định trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp;

e) Tổng hợp, báo cáo thống kê về thực hiện giám định của các tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực khác, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc các cấp và văn phòng giám định tư pháp;

g) Gửi báo cáo thống kê quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều này đến Ban Chỉ đạo thống kê liên ngành cùng cấp trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và 10 ngày làm việc đối với Viện kiểm sát nhân dân tối cao kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê;

h) Chủ trì xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu liên ngành về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp; quản trị cơ sở dữ liệu thống kê liên ngành bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án nhân dân:

a) Xây dựng báo cáo thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định; kết quả thực hiện các quyết định trung cầu giám định; đánh giá, sử dụng kết quả giám định trong giải quyết vụ án hình sự giai đoạn xét xử, thi hành án hình sự thuộc thẩm quyền trung cầu của Tòa án và gửi đến cơ quan chủ trì thống kê cùng cấp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê;

b) Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu liên ngành về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Quốc phòng:

a) Xây dựng báo cáo thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định; kết quả thực hiện các quyết định trung cầu giám định; đánh giá, sử dụng kết quả giám định trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng, bao gồm các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong Quân đội nhân dân;

b) Xây dựng báo cáo thống kê về thực hiện giám định của tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Gửi báo cáo thống kê quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều này đến đơn vị chủ trì thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê;

d) Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu liên ngành về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp:

a) Xây dựng báo cáo thống kê về thực hiện giám định của các tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc ngành Y tế, tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực khác; tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; văn phòng giám định tư pháp và gửi đến cơ quan chủ trì thống kê cùng cấp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê;

b) Tham mưu Chính phủ về quản lý chỉ đạo giải quyết các tồn tại, hạn chế trong công tác thống kê giám định tư pháp trong tổ tụng hình sự và hoạch định các chính sách liên quan;

c) Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu liên ngành về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Phương thức gửi báo cáo thống kê

1. Các đơn vị cập nhật và gửi báo cáo đến cơ quan chủ trì thống kê qua Nền tảng dùng chung thông nhất, tiến tới liên thông chia sẻ dữ liệu thông suốt theo Đề án Chuyển đổi số trong hoạt động tổ tụng hình sự và thi hành án hình sự được phê duyệt theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 10/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan chủ trì thống kê gửi báo cáo thống kê điện tử, ký, đóng dấu số tới các đơn vị theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch này.

Điều 10. Đối chiếu số liệu thống kê và hiệu chỉnh số liệu trong báo cáo thống kê

1. Trường hợp cơ quan chủ trì thống kê liên ngành các cấp kiểm tra thấy số liệu có mâu thuẫn, yêu cầu các cơ quan kiểm tra, đối chiếu, thống nhất số liệu và hiệu chỉnh gửi về cơ quan chủ trì thống kê.

2. Trường hợp sau khi gửi báo cáo thống kê, các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 8 Thông tư liên tịch này tự phát hiện có sai sót có trách nhiệm hiệu chỉnh số liệu và gửi về cơ quan chủ trì thống kê.

3. Thời hạn gửi về cơ quan chủ trì thống kê là 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ thống kê. Cơ quan chủ trì thống kê có trách nhiệm gửi lại báo cáo đã hiệu chỉnh theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 11. Cơ sở dữ liệu thống kê và chia sẻ khai thác dữ liệu thống kê

1. Cơ sở dữ liệu thống kê

Cơ sở dữ liệu thống kê gồm dữ liệu thống kê trung cầu giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng và dữ liệu thống kê thực hiện giám định của các tổ chức, người thực hiện giám định.

a) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng báo cáo thống kê tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Thông tư liên tịch này có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu thống kê, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê của đơn vị mình;

b) Đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân các cấp đưa dữ liệu thống kê từ báo cáo thống kê đã tổng hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch này vào Cơ sở dữ liệu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Chia sẻ khai thác dữ liệu thống kê

a) Các cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp được giao xây dựng báo cáo thống kê có trách nhiệm kết nối liên thông để chia sẻ khai thác dữ liệu thống kê được giao xây dựng báo cáo;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp được giao xây dựng báo cáo thống kê kết nối liên thông để chia sẻ khai thác dữ liệu thống kê được giao xây dựng báo cáo với các cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp.

Điều 12. Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thống kê hình sự liên ngành các cấp, đơn vị thường trực theo quy định của pháp luật về thống kê hình sự liên ngành đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo, đơn vị thường trực trong việc triển khai Thông tư liên tịch này theo quy định của pháp luật.

2. Thành phần Ban Chỉ đạo liên ngành ở Trung ương và cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này được bổ sung thêm đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp (đối với cấp Trung ương) và đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh).

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự

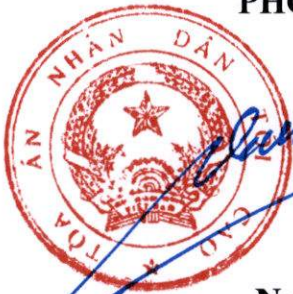
1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự theo quy định của Thông tư liên tịch này. Bộ Tư pháp chủ trì triển khai Thông tư liên tịch đến các cơ quan liên quan để thực hiện thống kê đối với tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc các bộ, ngành, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và văn phòng giám định tư pháp thuộc trách nhiệm của mình quy định trong Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị thực hiện thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần phải bổ sung, cần phản ánh kịp thời đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp để xem xét, hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Thái

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**



**Thượng tướng
Nguyễn Văn Gấu**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**



**Thượng tướng
Nguyễn Văn Long**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**



Mai Lương Khôi

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố;
- Công báo (để đăng Công báo);
- Lưu: VT (VKSNDTC, TANDTC, BCA, BQP, BTP).

CHỈ TIÊU THỐNG KÊ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Phân tổ	Kỳ công bố	Ghi chú
1	Trung cầu giám định			
1.1	Tổng số	- Số mới, số cũ - Lĩnh vực giám định - Cơ quan quyết định trung cầu - Nội dung trung cầu - Loại trung cầu - Cấp tổ tụng	Tháng, 6 tháng, 12 tháng	
1.2	Số đã xử lý, giải quyết	- Lĩnh vực giám định - Cơ quan quyết định trung cầu - Nội dung trung cầu - Loại trung cầu - Số từ chối giám định - Số đã nhận được Kết luận giám định - Số đình chỉ việc thực hiện giám định - Cấp tổ tụng	Tháng, 6 tháng, 12 tháng	
1.3	Số chưa xử lý, giải quyết	- Số quá hạn - Cơ quan quyết định trung cầu - Quá hạn phải tạm đình chỉ - Cơ quan đề quá hạn - Cấp tổ tụng		
1.4	Số vụ việc, vụ án có trung cầu giám định	- Loại giám định - Cơ quan quyết định trung cầu - Nội dung trung cầu - Loại trung cầu - Cấp tổ tụng	Tháng, 6 tháng, 12 tháng	
1.5	Kết quả sử dụng kết luận giám định	- Kết quả sử dụng cụ thể - Cơ quan quyết định trung cầu - Loại trung cầu - Cấp tổ tụng	Tháng, 6 tháng, 12 tháng	

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Phân tổ	Kỳ công bố	Ghi chú
2	Thực hiện trung cầu, yêu cầu giám định			
1.1	Tổng số	- Số mới, số cũ - Cơ quan quyết định trung cầu, người yêu cầu - Cơ quan thực hiện giám định - Loại trung cầu - Cấp tổ tụng	Tháng, 6 tháng, 12 tháng	
1.2	Số đã xử lý, giải quyết	- Cơ quan quyết định trung cầu, người yêu cầu - Cơ quan thực hiện giám định - Loại trung cầu - Số từ chối giám định - Số đã nhận được Kết luận giám định - Số đình chỉ việc thực hiện giám định - Cấp tổ tụng	Tháng, 6 tháng, 12 tháng	
1.3.	Số chưa xử lý, giải quyết	- Số quá hạn - Cơ quan quyết định trung cầu - Quá hạn phải tạm đình chỉ - Cấp tổ tụng	Tháng, 6 tháng, 12 tháng	

BAN CHỈ ĐẠO THỐNG KÊ LIÊN NGÀNH
(TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO)

Biểu số 01/TKLN 2026
(Ban hành theo
Thông tư liên tịch số ngày / /

**THỐNG KÊ VỀ TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH, KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH,
SỬ DỤNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC, VỤ ÁN HÌNH SỰ
CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG**

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
1. Quyết định trung cầu giám định	1					
- Số cũ	2					
- Số mới	3					
+ Giám định kỹ thuật hình sự	4					
++ Giám định dấu vết đường vân	5					
++ Giám định dấu vết cơ học	6					
++ Giám định súng đạn	7					
++ Giám định tài liệu	8					
++ Giám định cháy, nổ	9					
++ Giám định kỹ thuật	10					
++ Giám định âm thanh	11					
++ Giám định sinh học	12					
++ Giám định hóa học (trừ ma túy)	13					
++ Giám định ma túy	14					
++ Giám định kỹ thuật số và điện tử	15					
+ Giám định pháp y	16					
++ Pháp y tử thi	17					
++ Thương tích	18					
++ Tuổi thực	19					
++ Pháp y tình dục	20					
++ Mô bệnh học	21					
++ Giám định khác	22					
+ Giám định tài chính, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, thuế, hải quan, đầu tư và đấu thầu	23					
+ Giám định ngân hàng	24					
+ Giám định xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật	25					
+ Giám định pháp y tâm thần	26					
+ Giám định văn hóa	27					
+ Giám định tài nguyên, môi trường, đất đai, khoáng sản	28					
+ Giám định khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông số	29					
+ Giám định nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn	30					
+ Giám định các lĩnh vực khác	31					

Tiêu chí	Mã đồng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+ Số do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mới trung cầu giám định	32					
- Tổng số	33					
+ Do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trung cầu	34					
- Số quyết định trung cầu giám định cơ quan giám định từ chối giám định	35					
+ Nội dung trung cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn.	36					
+ Không đủ khả năng chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện về phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho việc thực hiện giám định	37					
+ Đối tượng giám định, tài liệu liên quan không đầy đủ hoặc không đủ giá trị kết luận, dù đã đề nghị bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng.	38					
+ Thời gian không đủ để thực hiện giám định	39					
+ Tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm	40					
+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật	41					
2. Kết quả thực hiện trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định	42					
2.1. Kết quả thực hiện trung cầu giám định	43					
- Số quyết định trung cầu giám định đã có kết luận giám định	44					
+ Do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trung cầu	45					
+ Giám định kỹ thuật hình sự	46					
++ Giám định dấu vết đường vân	47					
++ Giám định dấu vết cơ học	48					
++ Giám định súng đạn	49					
++ Giám định tài liệu	50					
++ Giám định cháy, nổ	51					
++ Giám định kỹ thuật	52					
++ Giám định âm thanh	53					
++ Giám định sinh học	54					
++ Giám định hóa học (trừ ma túy)	55					
++ Giám định ma túy	56					
++ Giám định kỹ thuật số và điện tử	57					
+ Giám định pháp y	58					
++ Pháp y tử thi	59					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
++ Thương tích	60					
++ Tuổi thực	61					
++ Pháp y tình dục	62					
++ Mô bệnh học	63					
++ Giám định khác	64					
+ Giám định tài chính, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, thuế, hải quan, đầu tư và đấu thầu	65					
+ Giám định ngân hàng	66					
+ Giám định xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật	67					
+ Giám định pháp y tâm thần	68					
+ Giám định văn hóa	69					
+ Giám định tài nguyên, môi trường, đất đai, khoáng sản	70					
+ Giám định khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông số	71					
+ Giám định nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn	72					
+ Giám định các lĩnh vực khác	73					
+ Số quyết định trung cầu giám định quá hạn đã có kết luận giám định	74					
- Đình chỉ việc thực hiện giám định	75					
- Số quyết định trung cầu giám định chưa có kết luận giám định	76					
+ Do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trung cầu	77					
+ Số quá hạn luật định	78					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	79					
++ Số quá hạn phải tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	80					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Bộ Y tế	81					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố	82					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc VKSND tối cao	83					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Công an	84					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Công an tỉnh, thành phố	85					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Quốc phòng	86					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	87					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính.	88					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Ngân hàng Nhà nước	89					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Xây dựng	90					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ	91					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	92					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành khác	93					
++ Số quá hạn phải tạm đình chỉ điều tra	94					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Bộ Y tế	95					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố	96					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc VKSND tối cao	97					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Công an	98					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Công an tỉnh, thành phố	99					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Quốc phòng	100					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	101					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính.	102					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Ngân hàng Nhà nước	103					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Xây dựng	104					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ	105					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	106					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành khác	107					
2.2. Kết quả sử dụng kết luận giám định	108					
Kết luận giám định là căn cứ không khởi tố vụ án	109					
Kết luận giám định là căn cứ không khởi tố bị can	110					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố vụ án	111					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố bị can	112					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố bổ sung quyết định khởi tố vụ án	113					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố bổ sung quyết định khởi tố bị can	114					
Kết luận giám định là căn cứ để định tội danh	115					
Kết luận giám định là căn cứ thay đổi tội danh	116					
Kết luận giám định là căn cứ để đình chỉ điều tra	117					
Kết luận giám định không được sử dụng để giải quyết vụ án	118					
Số kết luận giám định lại có nội dung mâu thuẫn hoặc thay đổi so với kết luận giám định lần đầu	119					
Số kết luận giám định không được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận	120					
3. Số vụ việc, vụ án trung cầu giám định	121					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
4. VKS yêu cầu cơ quan điều tra trung cầu giám định	122					
- Số cũ	123					
- Số mới	124					
- Tổng số	125					
- Đã giải quyết	126					
+ Đã ra quyết định trung cầu giám định	127					
+ Đã ra thông báo từ chối trung cầu giám định	128					
- Đã có kết luận trung cầu giám định	129					
- Số còn lại	130					
5. Người tham gia tố tụng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trung cầu giám định	131					
- Số cũ	132					
- Số mới	133					
- Tổng số	134					
- Đã giải quyết	135					
+ Đã ra quyết định trung cầu giám định	136					
+ Đã ra thông báo từ chối trung cầu giám định	137					
- Đã có kết luận trung cầu giám định	138					
- Số còn lại	139					

Người lập biểu

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

**THÔNG KÊ VỀ TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH, KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH,
SỬ DỤNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ
CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG**

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
1. Quyết định trung cầu giám định	1					
- Số cũ	2					
- Số mới	3					
+ Giám định kỹ thuật hình sự	4					
++ Giám định dấu vết đường vân	5					
++ Giám định dấu vết cơ học	6					
++ Giám định súng đạn	7					
++ Giám định tài liệu	8					
++ Giám định cháy, nổ	9					
++ Giám định kỹ thuật	10					
++ Giám định âm thanh	11					
++ Giám định sinh học	12					
++ Giám định hóa học (trừ ma túy)	13					
++ Giám định ma túy	14					
++ Giám định kỹ thuật số và điện tử	15					
+ Giám định pháp y	16					
++ Pháp y tử thi	17					
++ Thương tích	18					
++ Tuổi thực	19					
++ Pháp y tình dục	20					
++ Mô bệnh học	21					
++ Giám định khác	22					
+ Giám định tài chính, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, thuế, hải quan, đầu tư và đấu thầu	23					
+ Giám định ngân hàng	24					
+ Giám định xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật	25					
+ Giám định pháp y tâm thần	26					
+ Giám định văn hóa	27					
+ Giám định tài nguyên, môi trường, đất đai, khoáng sản	28					
+ Giám định khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông số	29					
+ Giám định nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn	30					
+ Giám định các lĩnh vực khác	31					
- Tổng số	32					
- Số quyết định trung cầu giám định cơ quan giám định từ chối giám định	33					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+ Nội dung trung cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn.	34					
+ Không đủ khả năng chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện về phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho việc thực hiện giám định	35					
+ Đối tượng giám định, tài liệu liên quan không đầy đủ hoặc không đủ giá trị kết luận, dù đã đề nghị bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng.	36					
+ Thời gian không đủ để thực hiện giám định	37					
+ Tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm	38					
+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật	39					
2. Kết quả thực hiện trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định	40					
2.1. Kết quả thực hiện trung cầu giám định	41					
- Số quyết định trung cầu giám định đã có kết luận giám định	42					
+ Giám định kỹ thuật hình sự	43					
++ Giám định dấu vết đường vân	44					
++ Giám định dấu vết cơ học	45					
++ Giám định súng đạn	46					
++ Giám định tài liệu	47					
++ Giám định cháy, nổ	48					
++ Giám định kỹ thuật	49					
++ Giám định âm thanh	50					
++ Giám định sinh học	51					
++ Giám định hóa học (trừ ma túy)	52					
++ Giám định ma túy	53					
++ Giám định kỹ thuật số và điện tử	54					
+ Giám định pháp y	55					
++ Pháp y tử thi	56					
++ Thương tích	57					
++ Tuổi thực	58					
++ Pháp y tình dục	59					
++ Mô bệnh học	60					
++ Giám định khác	61					
+ Giám định tài chính, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, thuế, hải quan, đầu tư và đấu thầu	62					
+ Giám định ngân hàng	63					
+ Giám định xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật	64					
+ Giám định pháp y tâm thần	65					
+ Giám định văn hóa	66					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+ Giám định tài nguyên, môi trường, đất đai, khoáng sản	67					
+ Giám định khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông số	68					
+ Giám định nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn	69					
+ Giám định các lĩnh vực khác	70					
+ Số quyết định trung cầu giám định quá hạn đã có kết luận giám định	71					
- Đình chỉ việc thực hiện giám định	72					
- Số quyết định trung cầu giám định chưa có kết luận giám định	73					
+ Số quá hạn luật định	74					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	75					
++ Số quá hạn phải tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	76					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Bộ Y tế	77					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố	78					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc VKSND tối cao	79					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Công an	80					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Công an tỉnh, thành phố	81					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Quốc phòng	82					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	83					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính.	84					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Ngân hàng Nhà nước	85					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Xây dựng	86					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ	87					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	88					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành khác	89					
++ Số quá hạn phải tạm đình chỉ vụ án	90					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Bộ Y tế	91					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố	92					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc VKSND tối cao	93					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Công an	94					
Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Công an tỉnh, thành phố	95					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Quốc phòng	96					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	97					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính.	98					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Ngân hàng Nhà nước	99					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Xây dựng	100					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ	101					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	102					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành khác	103					
2.2. Kết quả sử dụng kết luận giám định	104					
Kết luận giám định là căn cứ không khởi tố vụ án	105					
Kết luận giám định là căn cứ không khởi tố bị can	106					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố vụ án	107					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố bị can	108					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố bổ sung quyết định khởi tố vụ án	109					
Kết luận giám định là căn cứ khởi tố bổ sung quyết định khởi tố bị can	110					
Kết luận giám định là căn cứ để đình tội danh	111					
Kết luận giám định là căn cứ thay đổi tội danh	112					
Kết luận giám định là căn cứ để đình chỉ vụ án	113					
Kết luận giám định là căn cứ để đình chỉ vụ án đối với bị can	114					
Kết luận giám định là căn cứ để đình chỉ xét xử	115					
Kết luận giám định là căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung	116					
Kết luận giám định là căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt	117					
Kết luận giám định không được sử dụng để giải quyết vụ án	118					
Số kết luận giám định lại có nội dung mâu thuẫn hoặc thay đổi so với kết luận giám định lần đầu	119					
Số kết luận giám định không được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận	120					
3. Số vụ việc, vụ án trưng cầu giám định	121					
4. Người tham gia tố tụng yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân trưng cầu giám định	122					
- Số cũ	123					
- Số mới	124					
- Tổng số	125					
- Đã giải quyết	126					
+ Đã ra quyết định trưng cầu giám định	127					
+ Đã ra thông báo từ chối trưng cầu giám định	128					
- Đã có kết luận trưng cầu giám định	129					
- Số còn lại	130					

Người lập biểu

Ngày... tháng... năm...

VIỆN TRƯỞNG

(ký, đóng dấu)

**THỐNG KÊ VỀ TRUNG CẦU, YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH, KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH,
SỬ DỤNG KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ
CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG**

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
1. Quyết định trung cầu giám định	1					
- Số cũ	2					
- Số mới	3					
+ Giám định kỹ thuật hình sự	4					
++ Giám định dấu vết đường vân	5					
++ Giám định dấu vết cơ học	6					
++ Giám định súng đạn	7					
++ Giám định tài liệu	8					
++ Giám định cháy, nổ	9					
++ Giám định kỹ thuật	10					
++ Giám định âm thanh	11					
++ Giám định sinh học	12					
++ Giám định hóa học (trừ ma túy)	13					
++ Giám định ma túy	14					
++ Giám định kỹ thuật số và điện tử	15					
+ Giám định pháp y	16					
++ Pháp y tử thi	17					
++ Thương tích	18					
++ Tuổi thực	19					
++ Pháp y tình dục	20					
++ Mô bệnh học	21					
++ Giám định khác	22					
chứng khoán, thuế, hải quan, đầu tư và đầu thầu	23					
+ Giám định ngân hàng	24					
+ Giám định xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật	25					
+ Giám định pháp y tâm thần	26					
+ Giám định văn hóa	27					
+ Giám định tài nguyên, môi trường, đất đai, khoáng sản	28					
+ Giám định khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông số	29					
+ Giám định nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn	30					
+ Giám định các lĩnh vực khác	31					
- Tổng số	32					
- Số quyết định trung cầu giám định cơ quan giám định từ chối giám định	33					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+ Nội dung trung cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn.	34					
+ Không đủ khả năng chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện về phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho việc thực hiện giám định	35					
+ Đối tượng giám định, tài liệu liên quan không đầy đủ hoặc không đủ giá trị kết luận, dù đã đề nghị bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng.	36					
+ Thời gian không đủ để thực hiện giám định	37					
+ Tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm	38					
+ Trường hợp khác theo quy định của pháp luật	39					
2. Kết quả thực hiện trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định	40					
2.1. Kết quả thực hiện trung cầu giám định	41					
- Số quyết định trung cầu giám định đã có kết luận giám định	42					
+ Giám định kỹ thuật hình sự	43					
++ Giám định dấu vết đường vân	44					
++ Giám định dấu vết cơ học	45					
++ Giám định súng đạn	46					
++ Giám định tài liệu	47					
++ Giám định cháy, nổ	48					
++ Giám định kỹ thuật	49					
++ Giám định âm thanh	50					
++ Giám định sinh học	51					
++ Giám định hóa học (trừ ma túy)	52					
++ Giám định ma túy	53					
++ Giám định kỹ thuật số và điện tử	54					
+ Giám định pháp y	55					
++ Pháp y tử thi	56					
++ Thương tích	57					
++ Tuổi thực	58					
++ Pháp y tình dục	59					
++ Mô bệnh học	60					
++ Giám định khác	61					
chứng khoán, thuế, hải quan, đầu tư và đầu thầu	62					
+ Giám định ngân hàng	63					
+ Giám định xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật	64					
+ Giám định pháp y tâm thần	65					
+ Giám định văn hóa	66					
+ Giám định tài nguyên, môi trường, đất đai, khoáng sản	67					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+ Giám định khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông số	68					
+ Giám định nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn	69					
+ Giám định các lĩnh vực khác	70					
+ Số quyết định trung cầu giám định quá hạn đã có kết luận giám định	71					
- Đình chỉ việc thực hiện giám định	72					
- Số quyết định trung cầu giám định chưa có kết luận giám định	73					
+ Số quá hạn luật định	74					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	75					
++ Số quá hạn phải tạm đình chỉ vụ án	76					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Bộ Y tế	77					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo chuyên ngành thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố	78					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc VKSND tối cao	79					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Công an	80					
Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Công an tỉnh, thành phố	81					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ Quốc phòng	82					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường	83					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính.	84					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Ngân hàng Nhà nước	85					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Xây dựng	86					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ	87					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	88					
+++ Số quá hạn do tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc chuyên ngành khác	89					
2.2. Kết quả sử dụng kết luận giám định	90					
Kết luận giám định là căn cứ để đình chỉ xét xử	91					
Kết luận giám định là căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung	92					
Kết luận giám định là căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt	93					
Kết luận giám định là cơ sở để hủy bản án	94					
Kết luận giám định là cơ sở để sửa bản án	95					
Kết luận giám định không được sử dụng để giải quyết vụ án	96					
Số kết luận giám định lại có nội dung mâu thuẫn hoặc thay đổi so với kết luận giám định lần đầu	97					
Số kết luận giám định không được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận	98					
3. Số vụ án trưng cầu giám định	99					
4. Quyết định trưng cầu giám định trong giai đoạn thi hành án phạt tù	100					
- Số cũ	101					
- Số mới	102					
- Tổng số	103					
- Đã giải quyết	104					
+ Đã ra quyết định trưng cầu giám định	105					
+ Đã ra thông báo từ chối trưng cầu giám định	106					
- Đã có kết luận trưng cầu giám định	107					
- Số còn lại	108					
5. Người tham gia tố tụng yêu cầu Tòa án nhân dân trưng cầu giám định	109					
- Số cũ	110					
- Số mới	111					
- Tổng số	112					
- Đã giải quyết	113					
+ Đã ra quyết định trưng cầu giám định	114					
+ Đã ra thông báo từ chối trưng cầu giám định	115					
- Đã có kết luận trưng cầu giám định	116					
- Số còn lại	117					

Người lập biểu

Ngày... tháng... năm...

CHÁNH ÁN

(ký, đóng dấu)

**THỐNG KÊ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH CÔNG LẬP THUỘC
CÔNG AN NHÂN DÂN**

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
1. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra	1					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	2					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	3					
- Tổng số	4					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	5					
+ Đã ra kết luận giám định	6					
+ Từ chối giám định	7					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	8					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	9					
+ Số quá hạn luật định	10					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	11					
2. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra thuộc công an nhân dân	12					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	13					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	14					
- Tổng số	15					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	16					
+ Đã ra kết luận giám định	17					
+ Từ chối giám định	18					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	19					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	20					
+ Số quá hạn luật định	21					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	22					
3. Quyết định trưng cầu giám định của Viện kiểm sát nhân dân	23					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	24					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	25					
- Tổng số	26					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	27					
+ Đã ra kết luận giám định	28					
+ Từ chối giám định	29					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	30					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	31					
+ Số quá hạn luật định	32					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	33					
4. Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án nhân dân	34					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	35					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	36					
- Tổng số	37					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	38					
+ Đã ra kết luận giám định	39					
+ Từ chối giám định	40					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	41					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	42					
+ Số quá hạn luật định	43					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	44					
5. Quyết định trưng cầu giám định của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong Quân đội nhân dân	45					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	46					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	47					
- Tổng số	48					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	49					
+ Đã ra kết luận giám định	50					
+ Từ chối giám định	51					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	52					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	53					
+ Số quá hạn luật định	54					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	55					
6. Trưng cầu giám định trong giai đoạn thi hành án hình sự	56					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	57					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	58					
- Tổng số	59					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	60					
+ Đã ra kết luận giám định	61					
+ Từ chối giám định	62					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	63					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	64					
+ Số quá hạn luật định	65					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	66					
7. Yêu cầu giám định của người tham gia tố tụng	67					
- Số yêu cầu giám định cũ	68					
- Số yêu cầu giám định mới nhận	69					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
- Tổng số	70					
- Số yêu cầu giám định đã giải quyết	71					
+ Đã ra kết luận giám định	72					
+ Từ chối giám định	73					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	74					
- Số yêu cầu giám định chưa có kết luận giám định	75					
+ Số quá hạn luật định	76					

Người lập biểu

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

**THỐNG KÊ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH CÔNG LẬP THUỘC
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
1. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra	1					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	2					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	3					
- Tổng số	4					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	5					
+ Đã ra kết luận giám định	6					
+ Từ chối giám định	7					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	8					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	9					
+ Số quá hạn luật định	10					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	11					
2. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra thuộc công an nhân dân	12					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	13					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	14					
- Tổng số	15					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	16					
+ Đã ra kết luận giám định	17					
+ Từ chối giám định	18					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	19					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	20					
+ Số quá hạn luật định	21					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	22					
3. Quyết định trưng cầu giám định của Viện kiểm sát	23					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	24					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	25					
- Tổng số	26					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	27					
+ Đã ra kết luận giám định	28					
+ Từ chối giám định	29					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	30					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	31					
+ Số quá hạn luật định	32					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	33					
4. Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án	34					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	35					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	36					
- Tổng số	37					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	38					
+ Đã ra kết luận giám định	39					
+ Từ chối giám định	40					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	41					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	42					
+ Số quá hạn luật định	43					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	44					
5. Quyết định trưng cầu giám định của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong Quân đội nhân dân	45					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	46					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	47					
- Tổng số	48					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	49					
+ Đã ra kết luận giám định	50					
+ Từ chối giám định	51					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	52					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	53					
+ Số quá hạn luật định	54					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	55					
6. Yêu cầu giám định của người tham gia tố tụng	56					
- Số yêu cầu giám định cũ	57					
- Số yêu cầu giám định mới nhận	58					
- Tổng số	59					
- Số yêu cầu giám định đã giải quyết	60					
+ Đã ra kết luận giám định	61					
+ Từ chối giám định	62					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	63					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	64					
+ Số quá hạn luật định	65					

Người lập biểu

Ngày... tháng... năm...

VIỆN TRƯỞNG

(ký, đóng dấu)

THỐNG KÊ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH CÔNG LẬP
THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
1. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Quân đội nhân dân	1					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	2					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	3					
- Tổng số	4					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	5					
+ Đã ra kết luận giám định	6					
+ Từ chối giám định	7					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	8					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	9					
+ Số quá hạn luật định	10					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	11					
2. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra thuộc Quân đội nhân dân	12					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	13					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	14					
- Tổng số	15					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	16					
+ Đã ra kết luận giám định	17					
+ Từ chối giám định	18					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	19					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	20					
+ Số quá hạn luật định	21					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	22					
3. Quyết định trưng cầu giám định của Viện kiểm sát Quân sự	23					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	24					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	25					
- Tổng số	26					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	27					
+ Đã ra kết luận giám định	28					
+ Từ chối giám định	29					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	30					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	31					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+ Số quá hạn luật định	32					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	33					
4. Quyết định trung cầu giám định của Tòa án Quân sự	34					
- Số quyết định trung cầu giám định cũ	35					
- Số quyết định trung cầu giám định mới nhận	36					
- Tổng số	37					
- Số quyết định trung cầu giám định đã giải quyết	38					
+ Đã ra kết luận giám định	39					
+ Từ chối giám định	40					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	41					
- Số quyết định trung cầu giám định chưa có kết luận giám định	42					
+ Số quá hạn luật định	43					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	44					
5. Quyết định trung cầu giám định của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ngoài Quân đội nhân dân	45					
- Số quyết định trung cầu giám định cũ	46					
- Số quyết định trung cầu giám định mới nhận	47					
- Tổng số	48					
- Số quyết định trung cầu giám định đã giải quyết	49					
+ Đã ra kết luận giám định	50					
+ Từ chối giám định	51					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	52					
- Số quyết định trung cầu giám định chưa có kết luận giám định	53					
+ Số quá hạn luật định	54					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	55					
6. Trung cầu giám định trong giai đoạn thi hành án hình sự	56					
- Số quyết định trung cầu giám định cũ	57					
- Số quyết định trung cầu giám định mới nhận	58					
- Tổng số	59					
- Số quyết định trung cầu giám định đã giải quyết	60					
+ Đã ra kết luận giám định	61					
+ Từ chối giám định	62					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	63					
- Số quyết định trung cầu giám định chưa có kết luận giám định	64					
+ Số quá hạn luật định	65					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	66					
7. Yêu cầu giám định của người tham gia tố tụng	67					
- Số yêu cầu giám định cũ	68					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
- Số yêu cầu giám định mới nhận	69					
- Tổng số	70					
- Số yêu cầu giám định đã giải quyết	71					
+ Đã ra kết luận giám định	72					
+ Từ chối giám định	73					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	74					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	75					
+ Số quá hạn luật định	76					

Người lập biểu

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

**THỐNG KÊ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH CÔNG LẬP THUỘC
NGÀNH Y TẾ, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC
VÀ VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
1. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra	1					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	2					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	3					
- Tổng số	4					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	5					
+ Đã ra kết luận giám định	6					
+ Từ chối giám định	7					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	8					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	9					
+ Số quá hạn luật định	10					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	11					
2. Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra thuộc công an nhân dân	12					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	13					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	14					
- Tổng số	15					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	16					
+ Đã ra kết luận giám định	17					
+ Từ chối giám định	18					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	19					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	20					
+ Số quá hạn luật định	21					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	22					
3. Quyết định trưng cầu giám định của Viện kiểm sát	23					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	24					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	25					
- Tổng số	26					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	27					
+ Đã ra kết luận giám định	28					
+ Từ chối giám định	29					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	30					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	31					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
+ Số quá hạn luật định	32					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	33					
4. Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án	34					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	35					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	36					
- Tổng số	37					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	38					
+ Đã ra kết luận giám định	39					
+ Từ chối giám định	40					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	41					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	42					
+ Số quá hạn luật định	43					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	44					
5. Quyết định trưng cầu giám định của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong Quân đội nhân dân	45					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	46					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	47					
- Tổng số	48					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	49					
+ Đã ra kết luận giám định	50					
+ Từ chối giám định	51					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	52					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	53					
+ Số quá hạn luật định	54					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	55					
6. Trưng cầu giám định trong giai đoạn thi hành án hình sự	56					
- Số quyết định trưng cầu giám định cũ	57					
- Số quyết định trưng cầu giám định mới nhận	58					
- Tổng số	59					
- Số quyết định trưng cầu giám định đã giải quyết	60					
+ Đã ra kết luận giám định	61					
+ Từ chối giám định	62					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	63					
- Số quyết định trưng cầu giám định chưa có kết luận giám định	64					
+ Số quá hạn luật định	65					
++ Số quá hạn đối với trường hợp đã gia hạn	66					
7. Yêu cầu giám định của người tham gia tố tụng	67					
- Số yêu cầu giám định cũ	68					
- Số yêu cầu giám định mới nhận	69					

Tiêu chí	Mã dòng	Giám định lần đầu	Giám định bổ sung	Giám định lại	Giám định lại lần thứ hai	Giám định lại trong trường hợp đặc biệt
- Tổng số	70					
- Số yêu cầu giám định đã giải quyết	71					
+ Đã ra kết luận giám định	72					
+ Từ chối giám định	73					
+ Đình chỉ việc thực hiện giám định	74					
- Số yêu cầu giám định chưa có kết luận giám định	75					
+ Số quá hạn luật định	76					

Người lập biểu

Ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU THỐNG KÊ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số /2026/TTLT-VKSNDTC TANDTC-BCA-BQP-BTP ngày tháng năm 2026)

1. Hướng dẫn chung

- Việc thống kê giám định tư pháp được thực hiện trên cơ sở quyết định trung cầu giám định và yêu cầu giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Mỗi quyết định trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp được tính là một đơn vị thống kê và chỉ được thống kê một lần trong từng chỉ tiêu tương ứng, không phụ thuộc vào số lượng nội dung giám định. Trường hợp một quyết định trung cầu giám định có nhiều nội dung giám định thì xác định và thống kê theo nội dung giám định chủ yếu, có ý nghĩa quyết định đối với việc giải quyết vụ việc, vụ án.

- Căn cứ vào loại giám định (Giám định lần đầu; Giám định bổ sung; Giám định lại; Giám định lại lần thứ hai; Giám định lại trong trường hợp đặc biệt), các đơn vị thống kê vào cột tương ứng.

- Kỳ thống kê: Thống kê về trung cầu giám định, kết luận giám định, việc sử dụng kết luận giám định tư pháp trong giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng; thống kê việc thực hiện giám định tư pháp của các tổ chức giám định công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và văn phòng giám định tư pháp được thực hiện theo các kỳ thống kê: hàng tháng, 06 tháng và 12 tháng.

+ Thời điểm thống kê tháng được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng.

+ Thời điểm thống kê 06 tháng được tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 của năm báo cáo.

+ Thời điểm thống kê 12 tháng được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo.

- Đơn vị báo cáo:

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc ngành Công an nhân dân có trách nhiệm lập biểu thống kê số 01 và 04.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lập biểu thống kê số 01 và 06.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc ngành Kiểm sát nhân dân có trách nhiệm lập biểu thống kê số 01 (Cơ quan điều tra VKSND tối cao trung cầu giám định), biểu thống kê số 02 và 05.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc ngành Tòa án nhân dân có trách nhiệm lập biểu thống kê số 03.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm lập biểu thống kê số 07.

2. Một số hướng dẫn cụ thể theo từng biểu

2.1. Biểu số 01/TKLN

Biểu này dùng để thống kê việc trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định trong giai đoạn khởi tố, điều tra; chỉ bao gồm các trường hợp do Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ban hành quyết định trung cầu giám định.

- Công thức tính:

Dòng 3 = Dòng 4 + Dòng 16 + Dòng 23 + Dòng 24 + Dòng 25 + Dòng 26 +
Dòng 27 + Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30 + Dòng 31;

Dòng 33 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 76 = Dòng 33 – Dòng 35 – Dòng 44 – Dòng 75;

Dòng 125 = Dòng 123 + Dòng 124;

Dòng 130 = Dòng 125 – Dòng 126;

Dòng 134 = Dòng 132 + Dòng 133;

Dòng 139 = Dòng 134 – Dòng 135.

Dòng 3 (Số mới): Thống kê số quyết định trung cầu giám định được ban hành mới trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này được phân loại đồng thời theo 02 tiêu chí độc lập: Lĩnh vực chuyên môn giám định và Chủ thể trung cầu.

Dòng 32 (Số do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mới trung cầu giám định): Thống kê số quyết định trung cầu giám định mới do Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ban hành trong kỳ thống kê, không phân biệt lĩnh vực giám định. Chỉ tiêu này được thống kê độc lập nhằm phản ánh số lượng quyết định trung cầu giám định do chủ thể này ban hành, nếu thống kê trên toàn bộ số quyết định trung cầu thì dòng 32 là phân tử của dòng 3, không phải là chỉ tiêu cộng thêm.

- **Dòng 78 (Số quá hạn luật định):** Thống kê số lượng quyết định trung cầu giám định mà tính đến thời điểm thống kê, thời hạn thực hiện giám định theo quy định của pháp luật (hoặc thời hạn đã được gia hạn hợp pháp) đã hết nhưng chưa nhận được kết luận giám định từ tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

- **Dòng 80 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** Thống kê số tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết với lý do:

Đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tổ chi tiết của dòng 78, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 78 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng } 80 \leq \text{Dòng } 78$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 81 đến dòng 93:** Đây là các phân tổ của dòng 80, phản ánh số trường hợp tạm đình chỉ giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố do việc thực hiện giám định của cơ quan, tổ chức được trưng cầu không bảo đảm thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc thời hạn được gia hạn (nếu có). Số liệu được phân theo từng cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện giám định.

- **Dòng 94 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ điều tra):** Thống kê số vụ án, bị can Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra với lý do: Đã trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tổ chi tiết của dòng 78, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại Dòng 78 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng } 94 \leq \text{Dòng } 78$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 95 đến dòng 107:** Đây là phân tổ của dòng 94 và được thống kê tương tự như các dòng từ 81 đến 93.

- **Từ dòng 109 đến dòng 120:** Đây là các chỉ tiêu phản ánh việc sử dụng kết luận giám định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng. Số liệu tại các dòng này được thống kê theo từng mục đích, kết quả sử dụng cụ thể của kết luận giám định. Mỗi kết luận giám định chỉ được thống kê vào một dòng tương ứng. Trường hợp một kết luận giám định được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì chỉ tính vào dòng phản ánh kết quả sử dụng có ý nghĩa quyết định; nếu các kết quả sử dụng có ý nghĩa như nhau thì thống kê vào dòng có số thứ tự nhỏ hơn, bảo đảm không trùng lặp số liệu.

- **Từ dòng 123 đến dòng 130:** Thống kê số văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát đối với Cơ quan điều tra về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trưng cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

- **Từ dòng 132 đến dòng 139:** Thống kê số văn bản yêu cầu của người tham gia tố tụng đối với Cơ quan điều tra về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải

quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trung cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

2.2. Biểu số 02/TKLN

Biểu này thống kê việc trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định trong giai đoạn truy tố. Chỉ thống kê các trường hợp Viện kiểm sát trực tiếp trung cầu giám định; không bao gồm các trường hợp do cơ quan khác trung cầu, nhằm bảo đảm phạm vi thống kê chính xác, không trùng lặp.

- Công thức tính:

Dòng 32 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 73 = Dòng 32 – Dòng 33 – Dòng 42 – Dòng 72;

Dòng 125 = Dòng 123 + Dòng 124;

Dòng 130 = Dòng 125 – Dòng 126.

- **Dòng 74 (Số quá hạn luật định):** Thống kê số lượng quyết định trung cầu giám định mà tính đến thời điểm thống kê, thời hạn thực hiện giám định theo quy định của pháp luật (hoặc thời hạn đã được gia hạn hợp pháp) đã hết nhưng chưa nhận được kết luận giám định từ tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

- **Dòng 76 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** Thống kê số tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố Viện kiểm sát đã ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết với lý do: Đã trung cầu giám định nhưng chưa có kết quả, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tử chi tiết của dòng 74, do đó số liệu tại dòng 76 phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 74 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng 76} \leq \text{Dòng 74}$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 77 đến dòng 89:** Đây là các phân tử của dòng 76, phản ánh số trường hợp tạm đình chỉ giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố do việc thực hiện giám định của cơ quan, tổ chức được trung cầu không bảo đảm thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc thời hạn được gia hạn (nếu có). Số liệu được phân theo từng cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện giám định.

- **Dòng 90 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ vụ án):** Thống kê số vụ án, bị can Viện kiểm sát đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra với lý do: Đã trung cầu giám định nhưng chưa có kết luận, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là

một phân tổ chi tiết của dòng 74, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 74 và đảm bảo tính logic (Dòng 90 $\leq$ Dòng 74) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 91 đến dòng 103:** Đây là phân tổ của dòng 90 và được thống kê tương tự như các dòng từ 77 đến 89.

- **Từ dòng 105 đến dòng 120:** Đây là các chỉ tiêu phản ánh việc sử dụng kết luận giám định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của Viện kiểm sát. Số liệu tại các dòng này được thống kê theo từng mục đích, kết quả sử dụng cụ thể của kết luận giám định. Mỗi kết luận giám định chỉ được thống kê vào một dòng tương ứng. Trường hợp một kết luận giám định được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì chỉ tính vào dòng phản ánh kết quả sử dụng có ý nghĩa quyết định; nếu các kết quả sử dụng có ý nghĩa như nhau thì thống kê vào dòng có số thứ tự nhỏ hơn, bảo đảm không trùng lặp số liệu.

Lưu ý: Chỉ thống kê các kết luận giám định do Viện kiểm sát trực tiếp trung cầu; không thống kê các kết luận giám định do Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra trung cầu, nhằm tránh trùng lặp và bảo đảm tính chính xác của số liệu.

- **Dòng 121 (Số vụ việc, vụ án trung cầu giám định):** Chỉ thống kê số vụ việc, vụ án do Viện kiểm sát trực tiếp trung cầu giám định; đối với các vụ việc, vụ án do Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra trung cầu thì không thống kê.

- **Từ dòng 123 đến dòng 130:** Thống kê số văn bản yêu cầu của người tham gia tố tụng đối với Viện kiểm sát về việc trung cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trung cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

2.3. Biểu số 03/TKLN

Biểu này thống kê việc trung cầu giám định và sử dụng kết luận giám định trong giai đoạn xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm) và thống kê trung cầu giám định của Tòa án đối với các trường hợp phạm nhân đang thi hành án phạt tù. Chỉ thống kê các trường hợp Tòa án nhân dân trực tiếp trung cầu giám định; không bao gồm các trường hợp do cơ quan khác trung cầu, nhằm bảo đảm phạm vi thống kê chính xác, không trùng lặp.

- Công thức tính:

Dòng 32 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 73 = Dòng 32 – Dòng 33 – Dòng 42 – Dòng 72;

Dòng 103 = Dòng 101 + Dòng 102;

Dòng 108 = Dòng 103 – Dòng 104;

Dòng 112 = Dòng 110 + Dòng 111;

Dòng 117 = Dòng 112 – Dòng 113.

- **Dòng 74 (Số quá hạn luật định):** Thống kê số lượng quyết định trung cầu giám định mà tính đến thời điểm thống kê, thời hạn thực hiện giám định theo quy định của pháp luật (hoặc thời hạn đã được gia hạn hợp pháp) đã hết nhưng chưa nhận được kết luận giám định từ tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

- **Dòng 76 (Số quá hạn phải tạm đình chỉ vụ án):** Thống kê số vụ án, bị can Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ xét xử với lý do: Đã trung cầu giám định nhưng chưa có kết luận, đồng thời thời hạn thực hiện giám định đã quá thời hạn quy định của pháp luật. Khi thực hiện thống kê cần lưu ý: Chỉ tiêu này là một phân tử chi tiết của dòng 74, do đó số liệu tại dòng này phải được trích xuất từ các trường hợp đã kê khai tại dòng 74 và đảm bảo tính logic ($\text{Dòng 76} \leq \text{Dòng 74}$) khi đối soát báo cáo.

- **Các tiêu chí từ dòng 77 đến dòng 89:** Đây là các phân tử của dòng 76, phản ánh số trường hợp tạm đình chỉ xét xử do việc thực hiện giám định của cơ quan, tổ chức được trung cầu không bảo đảm thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc thời hạn được gia hạn (nếu có). Số liệu được phân theo từng cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện giám định.

- **Từ dòng 91 đến dòng 98:** Đây là các chỉ tiêu phản ánh việc sử dụng kết luận giám định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của Tòa án nhân dân. Số liệu tại các dòng này được thống kê theo từng mục đích, kết quả sử dụng cụ thể của kết luận giám định. Mỗi kết luận giám định chỉ được thống kê vào một dòng tương ứng. Trường hợp một kết luận giám định được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì chỉ tính vào dòng phản ánh kết quả sử dụng có ý nghĩa quyết định; nếu các kết quả sử dụng có ý nghĩa như nhau thì thống kê vào dòng có số thứ tự nhỏ hơn, bảo đảm không trùng lặp số liệu.

Lưu ý: Chỉ thống kê các kết luận giám định do Tòa án trực tiếp trung cầu; không thống kê các kết luận giám định do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trung cầu, nhằm tránh trùng lặp và bảo đảm tính chính xác của số liệu.

- **Dòng 99 (Số vụ án trung cầu giám định):** Chỉ thống kê số vụ án do Tòa án trực tiếp trung cầu giám định; đối với các vụ án do Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát đã trung cầu thì không thống kê.

- **Từ dòng 101 đến dòng 108:** Thống kê số văn bản yêu cầu của Cơ quan thi hành án hình sự với Tòa án về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trưng cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

- **Từ dòng 110 đến dòng 117:** Thống kê số văn bản yêu cầu của người tham gia tố tụng với Tòa án về việc trưng cầu giám định, bao gồm số tồn từ kỳ trước chuyển sang và số phát sinh trong kỳ. Đồng thời phản ánh kết quả giải quyết các yêu cầu này, gồm các trường hợp đã được chấp nhận và ban hành quyết định trưng cầu giám định, các trường hợp bị từ chối bằng thông báo và số trường hợp đã có kết luận giám định; số còn lại là các yêu cầu chưa được giải quyết hoặc đang trong quá trình giải quyết đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

2.4. Biểu số 04/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc ngành Công an. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã trưng cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trưng cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

Dòng 4 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 5 = Dòng 6 + Dòng 7 + Dòng 8;

Dòng 9 = Dòng 4 – Dòng 5;

Dòng 15 = Dòng 13 + Dòng 14;

Dòng 16 = Dòng 17 + Dòng 18 + Dòng 19;

Dòng 20 = Dòng 15 – Dòng 16;

Dòng 26 = Dòng 24 + Dòng 25;

Dòng 27 = Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30;

Dòng 31 = Dòng 26 – Dòng 27;

Dòng 37 = Dòng 35 + Dòng 36;

Dòng 38 = Dòng 39 + Dòng 40 + Dòng 41;

Dòng 42 = Dòng 37 – Dòng 38;

Dòng 48 = Dòng 46 + Dòng 47;

Dòng 49 = Dòng 50 + Dòng 51 + Dòng 52;

Dòng 53 = Dòng 48 – Dòng 49;

Dòng 59 = Dòng 57 + Dòng 58;

Dòng 60 = Dòng 61 + Dòng 62 + Dòng 63;

Dòng 64 = Dòng 59 – Dòng 60;

Dòng 70 = Dòng 68 + Dòng 69;

Dòng 71 = Dòng 72 + Dòng 73 + Dòng 74;

Dòng 75 = Dòng 70 – Dòng 71.

2.5. Biểu số 05/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã trưng cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trưng cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

Dòng 4 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 5 = Dòng 6 + Dòng 7 + Dòng 8;

Dòng 9 = Dòng 4 – Dòng 5;

Dòng 15 = Dòng 13 + Dòng 14;

Dòng 16 = Dòng 17 + Dòng 18 + Dòng 19;

Dòng 20 = Dòng 15 – Dòng 16;

Dòng 26 = Dòng 24 + Dòng 25;

Dòng 27 = Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30;

Dòng 31 = Dòng 26 – Dòng 27;

Dòng 37 = Dòng 35 + Dòng 36;

Dòng 38 = Dòng 39 + Dòng 40 + Dòng 41;

Dòng 42 = Dòng 37 – Dòng 38;

Dòng 48 = Dòng 46 + Dòng 47;

Dòng 49 = Dòng 50 + Dòng 51 + Dòng 52;

Dòng 53 = Dòng 48 – Dòng 49;

Dòng 59 = Dòng 57 + Dòng 58;

Dòng 60 = Dòng 61 + Dòng 62 + Dòng 63;

Dòng 64 = Dòng 59 – Dòng 60.

2.6. Biểu số 06/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc Bộ Quốc phòng. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã trưng cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trưng cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

Dòng 4 = Dòng 2 + Dòng 3;

Dòng 5 = Dòng 6 + Dòng 7 + Dòng 8;

Dòng 9 = Dòng 4 – Dòng 5;

Dòng 15 = Dòng 13 + Dòng 14;

Dòng 16 = Dòng 17 + Dòng 18 + Dòng 19;

Dòng 20 = Dòng 15 – Dòng 16;

Dòng 26 = Dòng 24 + Dòng 25;

Dòng 27 = Dòng 28 + Dòng 29 + Dòng 30;

Dòng 31 = Dòng 26 – Dòng 27;

Dòng 37 = Dòng 35 + Dòng 36;

Dòng 38 = Dòng 39 + Dòng 40 + Dòng 41;

Dòng 42 = Dòng 37 – Dòng 38;

Dòng 48 = Dòng 46 + Dòng 47;

Dòng 49 = Dòng 50 + Dòng 51 + Dòng 52;

Dòng 53 = Dòng 48 – Dòng 49;

Dòng 59 = Dòng 57 + Dòng 58;

Dòng 60 = Dòng 61 + Dòng 62 + Dòng 63;

Dòng 64 = Dòng 59 – Dòng 60;

Dòng 70 = Dòng 68 + Dòng 69;

Dòng 71 = Dòng 72 + Dòng 73 + Dòng 74;

Dòng 75 = Dòng 70 – Dòng 71.

2.7. Biểu số 07/TKLN

Biểu này thống kê việc thực hiện giám định của các tổ chức giám định công lập thuộc ngành Y tế, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và văn phòng giám định tư pháp. Mỗi trường hợp giám định được thống kê theo đúng cơ quan đã

trung cầu hoặc yêu cầu giám định; trường hợp do cơ quan nào trung cầu, yêu cầu thì ghi nhận vào mục tương ứng của cơ quan đó, bảo đảm không nhầm lẫn, không trùng lặp.

$$\text{Dòng 4} = \text{Dòng 2} + \text{Dòng 3};$$

$$\text{Dòng 5} = \text{Dòng 6} + \text{Dòng 7} + \text{Dòng 8};$$

$$\text{Dòng 9} = \text{Dòng 4} - \text{Dòng 5};$$

$$\text{Dòng 15} = \text{Dòng 13} + \text{Dòng 14};$$

$$\text{Dòng 16} = \text{Dòng 17} + \text{Dòng 18} + \text{Dòng 19};$$

$$\text{Dòng 20} = \text{Dòng 15} - \text{Dòng 16};$$

$$\text{Dòng 26} = \text{Dòng 24} + \text{Dòng 25};$$

$$\text{Dòng 27} = \text{Dòng 28} + \text{Dòng 29} + \text{Dòng 30};$$

$$\text{Dòng 31} = \text{Dòng 26} - \text{Dòng 27};$$

$$\text{Dòng 37} = \text{Dòng 35} + \text{Dòng 36};$$

$$\text{Dòng 38} = \text{Dòng 39} + \text{Dòng 40} + \text{Dòng 41};$$

$$\text{Dòng 42} = \text{Dòng 37} - \text{Dòng 38};$$

$$\text{Dòng 48} = \text{Dòng 46} + \text{Dòng 47};$$

$$\text{Dòng 49} = \text{Dòng 50} + \text{Dòng 51} + \text{Dòng 52};$$

$$\text{Dòng 53} = \text{Dòng 48} - \text{Dòng 49};$$

$$\text{Dòng 59} = \text{Dòng 57} + \text{Dòng 58};$$

$$\text{Dòng 60} = \text{Dòng 61} + \text{Dòng 62} + \text{Dòng 63};$$

$$\text{Dòng 64} = \text{Dòng 59} - \text{Dòng 60};$$

$$\text{Dòng 70} = \text{Dòng 68} + \text{Dòng 69};$$

$$\text{Dòng 71} = \text{Dòng 72} + \text{Dòng 73} + \text{Dòng 74};$$

$$\text{Dòng 75} = \text{Dòng 70} - \text{Dòng 71}.$$